

# KẾT QUẢ KHẢO SÁT BƯỚC ĐẦU VỀ TÌNH HÌNH SỬ DỤNG “HAI GIỜ TỰ HỌC” CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Đinh Minh Quang<sup>1</sup>, Trần Thiện Bình<sup>2</sup> và Nguyễn Thị Kiều Tiên<sup>3</sup>

## ABSTRACT

*In the primary survey results on the using of “two self-study periods” at Cantho University, 85% students agreed that “two self-study periods” is the time for them to do exercises, do part-time jobs related to their major which can help them to enlarge their knowledge before graduating. Furthermore, about 72% students admitted that the use of “two self-study periods” of students at Cantho University is effective while others think that they cannot use this time effectively because of many reasons such as teaching and evaluating methods of lecturers, too many courses in one semester, etc. To solve these problems, students suggest that managers, lecturers and learners should find some solutions for themselves. Among these, 75% students state that learners play the most important role to answer this issue, followed by administrators and lecturers.*

**Keywords:** *two self-study periods, situation, solution, administrator, lecturer and learner*

**Title:** *The primary survey results on the using of “two self-study periods” by students at Can Tho University*

## TÓM TẮT

*Kết quả khảo sát bước đầu về tình hình sử dụng “hai giờ tự học” của sinh viên Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT) cho thấy khoảng 85% sinh viên cho rằng hai giờ tự học là khoảng thời gian họ làm bài tập, đi làm thêm để nhằm mở rộng kiến thức, tích lũy kinh nghiệm cho bản thân trước khi ra trường. Ngoài ra, khoảng 72% sinh viên cho rằng việc sử dụng hai giờ tự học hiện nay là có hiệu quả, 28% cho rằng chưa hiệu quả và có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng này như phương pháp dạy học, phương thức đánh giá của người dạy, số lượng bài học, bài tập quá nhiều,... Sinh viên đã kiến nghị một số giải pháp đối với nhà quản lý (Khoa, Trường), người dạy và bản thân họ nhằm giúp họ sử dụng hai giờ tự học được hiệu quả hơn. Trong đó, có tới 75% sinh viên cho rằng vai trò quan trọng nhất tiếp đến là nhà trường và người dạy.*

**Từ Khóa:** *Học chế tín chỉ, hai giờ tự học, thực trạng, giải pháp, nhà quản lý, người dạy và người học*

## 1 MỞ ĐẦU

Quán triệt Nghị quyết TW2 (Khóa VIII) về phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo và Nghị quyết 14/2005/NQ-CP ngày 2/11/2005 về đổi mới nội dung, phương pháp và quy trình đào tạo theo hướng áp dụng quy trình đào tạo mềm và liên thông, xây dựng thể chế nhập học linh hoạt, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã chủ trương áp dụng phương thức đào tạo theo học chế tín chỉ.

Hòa nhịp cùng các trường đại học trong cả nước, Trường Đại học Cần Thơ (ĐHCT), một trong 14 trường đại học trọng điểm Quốc gia (theo thống kê số liệu quý 1 năm 2011 của Phòng Kế hoạch tổng hợp – Trường ĐHTC, tính đến ngày 31

<sup>1</sup> Bộ Môn Sư phạm Sinh học, Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ

<sup>2</sup> Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Trường Đại học Cần Thơ

<sup>3</sup> Lớp Sư phạm Sinh-Kỹ thuật nông nghiệp K33, Khoa Sư phạm, Trường Đại học Cần Thơ

tháng 03 năm 2011, trường ĐHTC có 23.150 sinh viên chính quy theo đơn vị đào tạo), đã thực hiện đào tạo theo hệ thống chế độ tín chỉ triết đề trên cơ sở Quy chế 43 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 15 tháng 08 năm 2007 về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ từ năm học 2007 – 2008 (Đại học Cần Thơ, 2010).

Một trong những nội dung quan trọng của học chế tín chỉ như Điều 3, mục 3 đã quy định “Đối với học phần lý thuyết hoặc thực hành, thí nghiệm, để tiếp thu được một tín chỉ, sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân” (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2007). Sinh viên có thể thực hiện 30 chuẩn bị cá nhân (giờ tự học) tại thư viện, tại nhà hay bất kỳ nơi nào mà họ thích; có thể tự lựa chọn phương pháp tự học thích hợp (học nhóm, học cá nhân,...). Tự học còn giúp người học củng cố và mở rộng kiến thức của mình; giúp người học hình thành thói quen suy nghĩ độc lập và ý thức tự chuẩn bị bài trước khi đến lớp.

Vì vậy, đề tài này đã được thực hiện nhằm đánh giá tình hình sử dụng hai giờ tự học của sinh viên Trường ĐHTC.

## **2 PHƯƠNG TIỆN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

### **2.1 Phương tiện**

Phiếu khảo sát về tình hình và giải pháp thực hiện “hai tiết tự học” của sinh viên Trường ĐHTC.

Nhà học của 14 Khoa, Bộ môn và Viện (Khoa Công nghệ, Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông, Khoa Khoa học Chính trị, Khoa Khoa học Tự nhiên, Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn, Khoa Kinh tế Quản trị kinh doanh, Khoa Luật, Khoa Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên, Khoa Nông nghiệp và Sinh học ứng dụng, Khoa Sư phạm, Khoa Thủy sản, Bộ môn Giáo dục thể chất, Viện nghiên cứu phát triển Đồng bằng sông Cửu Long và Viện nghiên cứu và phát triển Công nghệ sinh học) thuộc Trường ĐHTC.

### **2.2 Phương pháp nghiên cứu**

#### *2.2.1 Chọn mẫu*

Mẫu được chọn theo phân tầng ngẫu nhiên (Phạm Văn Quyết và Nguyễn Quý Thanh, 2011).

#### *2.2.2 Kích thước mẫu*

Kích thước mẫu là 5% tổng số sinh viên hệ chính quy đang theo học tại Trường ĐHTC. Số lượng tương đương 1200 sinh viên.

#### *2.2.3 Thiết kế phiếu điều tra*

Phiếu điều tra gồm hai phần (phần thông tin chung của mẫu chọn và phần thông tin về chỉ tiêu cần khảo sát) được thiết kế dựa trên nguyên tắc chung của việc điều tra xã hội học của Phạm Văn Quyết và Nguyễn Quý Thanh (2011).

#### *2.2.4 Thu mẫu*

Tiến hành phát phiếu và phỏng vấn ngẫu nhiên trực tiếp và gián tiếp sinh viên của 14 đơn vị trực thuộc trường ĐHTC. Việc phỏng vấn được tiến hành dựa trên nguyên tắc thu thập thông tin của Trần Thị Kim Thu (2011).

2.2.5 Phân tích và xử lý số liệu

Số liệu sau khi thu sẽ được mã hóa và xử lý bằng phần mềm Microsoft Office Excel 2010 và phối hợp với phần mềm SPSS 13.0. Trung bình các chỉ tiêu khảo sát được so sánh dựa vào phép phân tích phương sai ANOVA và phép thử DUNCAN với mức ý nghĩa  $p < 0,05$  (độ tin cậy 95%).

3 KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1 Thống kê kết quả điều tra sinh viên trường ĐHCT

Đề tài đã tiến hành khảo sát 1200 sinh viên thuộc 14 đơn vị trực thuộc trường ĐHCT. Kết quả thống kê khái quát về mẫu nghiên cứu được thể hiện qua bảng 1.

Bảng 1: Thông tin về mẫu khảo sát

STT	Khoa/Bộ môn/Viện	Số lượng	Tỷ lệ %	Nam	Nữ
1	Công nghệ	214	17,8	191	23
2	Công nghệ Thông tin và Truyền thông	52	4,3	40	12
3	Khoa học Chính trị	20	1,7	9	11
4	Khoa học Tự nhiên	34	2,8	13	21
5	Khoa học Xã hội & nhân văn	89	7,4	13	76
6	Kinh tế Quản trị kinh doanh	192	16,0	53	139
7	Luật	67	5,6	22	45
8	Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên	57	4,8	35	22
9	Nông nghiệp & Sinh học ứng dụng	41	3,4	18	23
10	Sư phạm	297	24,8	72	225
11	Thủy sản	36	3,0	17	19
12	Giáo dục thể chất	49	4,1	36	13
13	Nghiên cứu & phát triển Đồng bằng sông Cửu Long	19	1,6	9	10
14	Nghiên cứu & phát triển Công nghệ sinh học	33	2,8	20	13
Tổng		1.200	100	548	652

(Nguồn: 1200 phiếu khảo sát)

Bảng 1 cho thấy số lượng sinh viên tham gia trả lời phỏng vấn nhiều nhất là khoa Sư phạm với 297 sinh viên chiếm 24,8% và ít nhất là Viện Nghiên cứu & phát triển Đồng bằng sông Cửu Long với 19 sinh viên chiếm 1,6% tổng số sinh viên tham gia trả lời phỏng vấn. Trong 1200 sinh viên tham gia trả lời phỏng vấn có 548 nam và 652 nữ.

Kết quả học tập của các sinh viên ở 14 đơn vị trực thuộc trường ĐHCT được thể hiện qua bảng 2.

Bảng 2: Kết quả học tập của sinh viên tham gia trả lời phỏng vấn

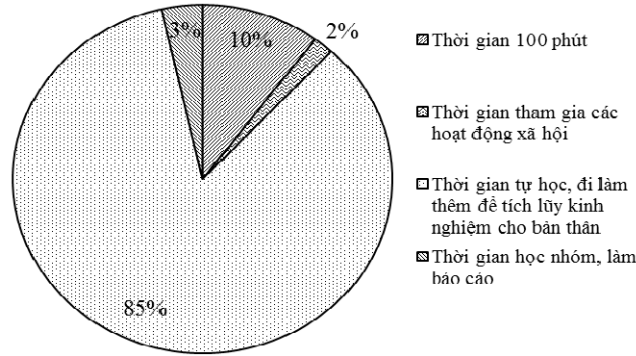
Kết quả học tập	Tổng		Nam		Nữ	
	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Xuất sắc	99	8,3	39	7,12	60	9,20
Giỏi	413	34,4	153	27,92	260	39,88
Khá	570	47,5	272	49,64	298	45,71
Trung bình	118	9,8	84	15,33	34	5,21

SL: Số lượng, TL: Tỷ lệ % (Nguồn: 1200 phiếu khảo sát)

Bảng 2 cho thấy hầu hết sinh viên tham gia phỏng vấn có học lực loại khá giỏi với hơn 81,9% trong khi đó học lực loại trung bình là 9,8% và xuất sắc là 8,3%.

### 3.2 Nhận thức của sinh viên về học chế tín chỉ và hai giờ tự học

Nhận thức của sinh viên về hai giờ tự học được thể hiện qua biểu đồ 1.



**Biểu đồ 1: Nhận thức của sinh viên về hai giờ tự học**

Biểu đồ 1 cho thấy hầu hết sinh viên (85%) hiểu khá đúng đắn về khái niệm hai giờ tự học, họ cho rằng đây là thời gian mà họ có thể tự đọc giáo trình, đi làm thêm,... Tuy nhiên, một tỉ lệ không nhỏ (10%) sinh viên hiểu một cách máy móc hai giờ tự học là thời gian 100 phút học tập.

Nhận định của sinh viên 14 đơn vị khảo sát hai giờ tự học được thể hiện ở bảng 3.

**Bảng 3: Nhận thức của sinh viên về hai giờ tự học phân theo đơn vị (Trung bình ± độ lệch chuẩn)**

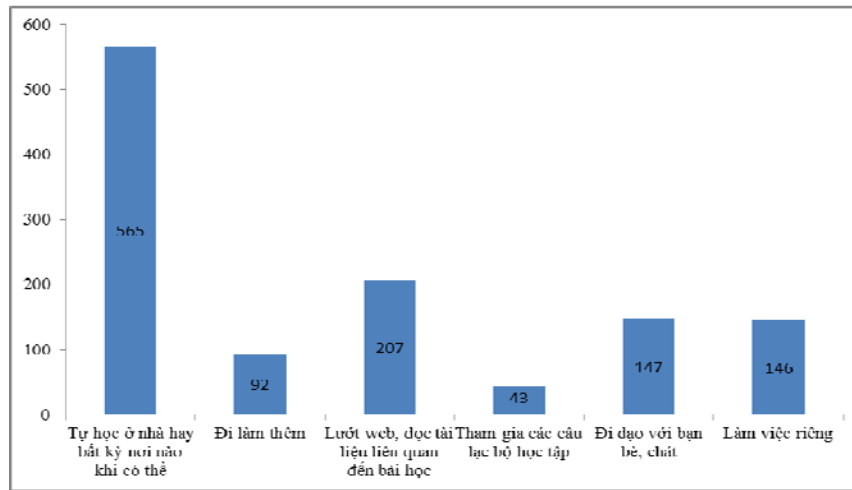
Khoa/Bộ môn/Viện	Nhận thức của sinh viên về 2 giờ tự học
Giáo dục thể chất	3,14 ± 1,54 <sup>a</sup>
Thủy sản	3,25 ± 1,36 <sup>a</sup>
Sư phạm	3,26 ± 1,14 <sup>a</sup>
Công nghệ Thông tin & Truyền thông	3,31 ± 1,05 <sup>a</sup>
Công nghệ	3,35 ± 1,21 <sup>a</sup>
Luật	3,39 ± 1,10 <sup>a</sup>
Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên	3,42 ± 1,21 <sup>a</sup>
Nghiên cứu & phát triển Công nghệ sinh học	3,44 ± 1,36 <sup>a</sup>
Kinh tế Quản trị kinh doanh	3,49 ± 1,18 <sup>a</sup>
Khoa học Tự nhiên	3,49 ± 1,33 <sup>a</sup>
Khoa học Xã hội & Nhân văn	3,53 ± 1,31 <sup>a</sup>
Khoa học Chính trị	3,57 ± 1,46 <sup>a</sup>
Nông nghiệp & Sinh học ứng dụng	3,63 ± 1,27 <sup>a</sup>
Nghiên cứu & phát triển Đồng bằng sông Cửu Long	3,67 ± 0,96 <sup>a</sup>

*Ghi chú: Các giá trị có chữ cái a,b,c giống nhau trên cùng một cột thì khác biệt không có ý nghĩa về mặt thống kê (P<0,05) (Nguồn: 1200 phiếu khảo sát)*

Kết quả thống kê cho thấy kết quả trung bình nhận thức của sinh viên về hai giờ tự học chiếm tỉ lệ khá cao ở 14 đơn vị trực thuộc trường ĐHTC. Dù rằng kết quả giữa các đơn vị có khác nhau nhưng không có ý nghĩa về mặt thống kê theo phép thử Duncan ở mức ý nghĩa 5%. Điều này cho thấy sinh viên tại các đơn vị này có nhận thức khá đúng đắn về hai giờ tự học.

### 3.3 Thực trạng việc sinh viên sử dụng hai giờ tự học của mình

Thực trạng việc sinh viên sử dụng hai giờ tự học được thể hiện qua biểu đồ 2.



**Biểu đồ 2: Thực trạng sinh viên sử dụng hai giờ tự học**

Biểu đồ 2 cho thấy hơn 64% sinh viên sử dụng hai giờ tự học là phục vụ cho việc học tập của bản thân. Tuy nhiên, một tỉ lệ không nhỏ sinh viên sử dụng thời gian này cho việc lướt web, đi chơi hay làm việc riêng vì họ cho rằng đây là thời gian nghỉ ngơi, vui chơi để học tập được tốt hơn. Một lượng không nhỏ sinh viên tận dụng thời gian này để đi làm thêm, một mặt tăng thêm thu nhập, một mặt tích lũy kinh nghiệm thực tế cho bản thân trước khi ra trường.

Hầu hết trung bình sinh viên ở 14 đơn vị trực thuộc trường ĐHTC sử dụng hai giờ tự học của mình là có khác nhau nhưng không có ý nghĩa thống kê, ngoại trừ trường hợp của Viện nghiên cứu & phát triển Đồng bằng sông Cửu Long so với Khoa Sư phạm, Khoa công nghệ và Bộ môn giáo dục thể chất. Cụ thể được biểu hiện qua bảng 4.

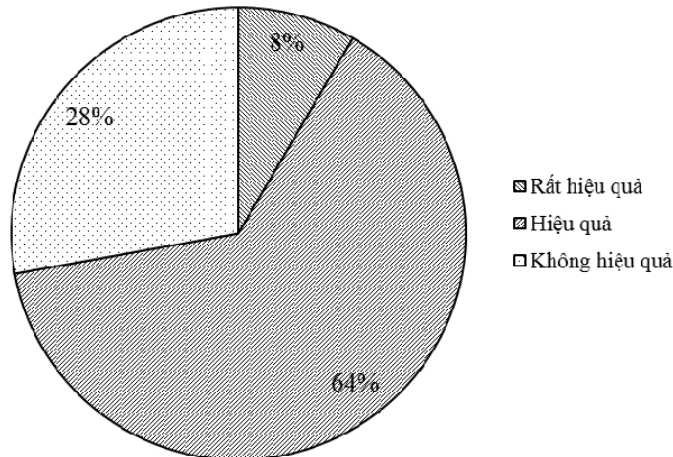
**Bảng 4: Trung bình việc sinh viên thực hiện trong hai giờ tự học**

Khoa/Bộ môn/Viện	Việc sinh viên đã thực hiện trong hai giờ tự học
Sư phạm	3,21±2,28 <sup>a</sup>
Công nghệ	3,21±2,24 <sup>a</sup>
Giáo dục thể chất	3,22±2,13 <sup>a</sup>
Khoa học Tự nhiên	3,35±2,29 <sup>a,b</sup>
Kinh tế Quản trị kinh doanh	3,40±2,27 <sup>a,b</sup>
Luật	3,57±2,20 <sup>a,b</sup>
Công nghệ thông tin & truyền thông	3,63±2,04 <sup>a,b</sup>
Thủy sản	3,72±2,3 <sup>a,b</sup>
Môi trường & Tài nguyên thiên nhiên	3,74±2,26 <sup>a,b</sup>
Khoa học chính trị	3,80±2,02 <sup>a,b</sup>
Khoa học Xã hội & Nhân văn	3,91±2,19 <sup>a,b</sup>
Nghiên cứu & phát triển công nghệ sinh học	4,03±2,34 <sup>a,b</sup>
Nông nghiệp & Sinh học ứng dụng	4,15±2,21 <sup>a,b</sup>
Nghiên cứu & phát triển Đồng bằng sông Cửu Long	4,37±2,11 <sup>b</sup>

Giá trị: Trung bình; Lưu ý: Các giá trị có chữ cái a,b,c giống nhau trên cùng một cột thì khác biệt không có ý nghĩa về mặt thống kê (Duncan, P<0,05) (Nguồn: 1200 phiếu khảo sát)

### 3.4 Đánh giá của sinh viên về hiệu quả sử dụng hai giờ tự học

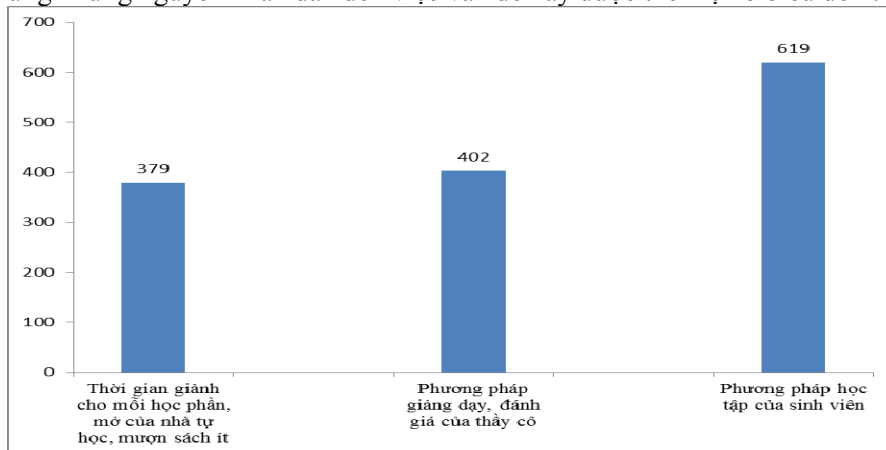
Việc đánh giá của sinh viên về hiệu quả của hai giờ tự học được thể hiện qua biểu đồ 3.



**Biểu đồ 3: Kết quả đánh giá của sinh viên về hiệu quả sử dụng giờ tự học**

Biểu đồ 3 cho thấy hơn  $\frac{3}{4}$  sinh viên cho rằng việc sử dụng hai giờ tự học của trường ĐHTC là hiệu quả. Tuy nhiên, một tỉ lệ không nhỏ sinh viên (28%) cho rằng việc sử dụng hai giờ tự học hiện nay chưa hiệu quả.

Những nguyên nhân dẫn đến việc vấn đề này được thể hiện ở biểu đồ 4.



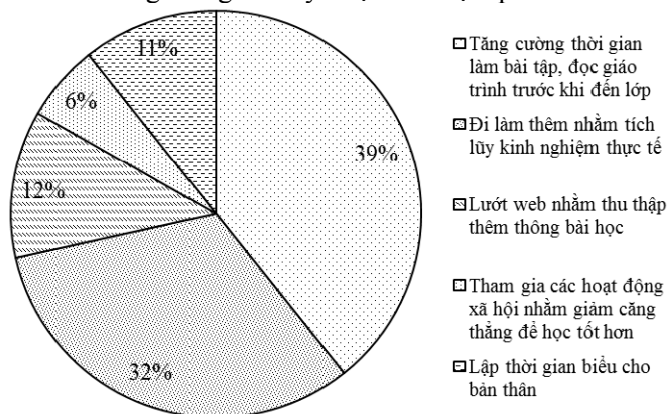
**Biểu đồ 4: Nguyên nhân dẫn đến sinh viên không thực hiện tốt được hai giờ tự học**

Biểu đồ 4 cho phương pháp tự học của sinh viên là nguyên nhân quan trọng nhất ảnh hưởng đến thời gian sử dụng hai giờ tự học của sinh viên. Phương pháp giảng dạy và đánh giá của người dạy và thời giờ giành cho mỗi học phần, mở của nhà tự học và mượn sách ít cũng ảnh hưởng đến việc sử dụng hai giờ tự học của sinh viên.

### 3.5 Một số giải pháp nhằm giúp sinh viên sử dụng hai giờ tự học hiệu quả

#### 3.5.1 Đối với bản thân sinh viên

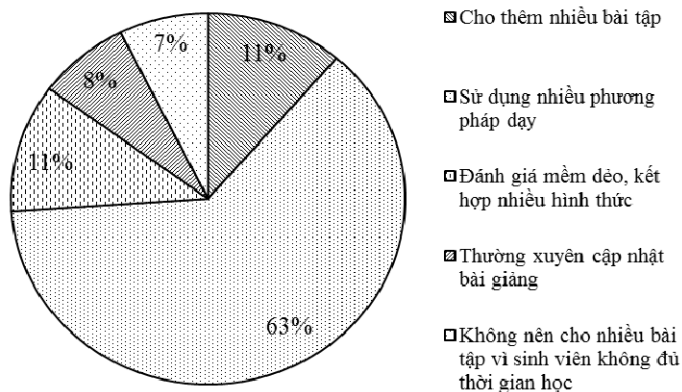
Trong 1200 sinh viên được hỏi bản thân mình cần phải làm gì để có thể sử dụng một cách hiệu quả hai giờ tự học thì phần lớn sinh viên cho rằng họ phải tăng cường thời gian làm bài tập, đọc giáo trình trước khi đến lớp (39%) và 32% sinh viên cho rằng việc đi làm thêm như dạy kèm, tiếp thị,... sẽ giúp họ tích lũy thêm rất nhiều kiến thức chuyên môn cũng như là kinh nghiệm thực tế khi đi làm. Rất ít sinh viên cho rằng việc tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động có thể giúp họ giảm căng thẳng để học tốt hơn. Hơn 1/10 sinh viên cho rằng việc có một thời gian biểu học tập tốt, lên mạng tìm thông tin có thể giúp họ sử dụng hai giờ tự học một cách hiệu quả hơn. Những thông tin này được thể hiện qua biểu đồ 5.



Biểu đồ 5: Một số giải pháp do sinh viên đề ra đối với bản thân sinh viên

#### 3.5.2 Đối với giảng viên

Những giải pháp do sinh viên đề ra đối với người học nhằm có thể giúp họ sử dụng hai giờ tự học một cách hiệu quả hơn được thể hiện qua biểu đồ 6.



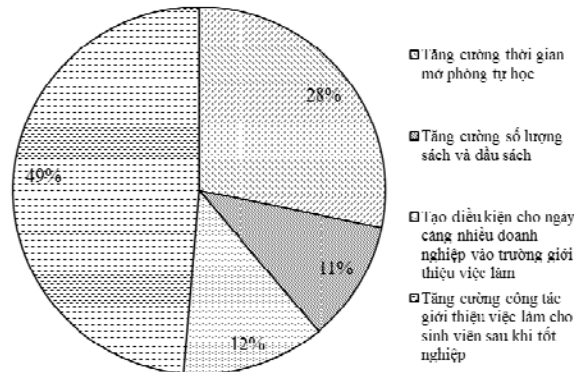
Biểu đồ 6: Những giải pháp do sinh viên đề ra đối với người dạy

Biểu đồ 6 cho thấy gần 2/3 sinh viên cho rằng giáo viên nên sử dụng kết hợp nhiều phương pháp dạy học chứ không nên cứng nhắc là sử dụng một phương pháp trong việc dạy học. Dù rằng việc sử dụng phương pháp dạy học tích cực lấy học trò làm trung tâm là tốt nhưng nếu chỉ việc sử dụng phương pháp dạy học tích cực trong suốt buổi học thì sẽ làm cho một số sinh viên học trung bình, yếu khó có thể nắm

bất được kiến thức. Hơn nữa, sinh viên cũng cho rằng sử dụng bài giảng bằng phần mềm Microsoft Power Point sẽ có thể giúp cảm thấy hứng thú hơn đối với bài học nhưng nếu chỉ việc trình chiếu các slides trong suốt buổi học thì cũng sẽ làm cho họ cảm thấy chán nản, khó tập trung cao độ cho việc học. Trong 1200 sinh viên tham gia trả lời phiếu khảo sát thì có 11% sinh viên cho rằng người dạy nên sử dụng thêm một số hình thức đánh giá khác nhằm khuyến khích họ tăng cường việc tự học ngoài việc đánh giá thông qua bài cáo cáo trên lớp, bài kiểm tra giữa học kỳ, bài thi cuối học kỳ như cộng điểm thưởng cho những sinh viên tham gia phát biểu xây bài học, làm bài tập về nhà và lên lớp sửa đúng. Ngoài ra, cũng có nhiều sinh viên (11%) cho rằng thầy cô nên cho nhiều hơn bài tập như là một định hướng cho thời gian tự học của họ. Một tỉ lệ không nhỏ sinh viên (8%) khi được hỏi cho rằng người dạy nên thường xuyên cập nhật bài giảng của mình đặc biệt là những bài giảng bên lĩnh vực kinh tế, công nghệ thông tin; 7% sinh viên đề nghị người dạy không nên cho nhiều bài tập về nhà vì họ học rất nhiều học phần trong mỗi học kỳ và nếu học phần nào cũng cho nhiều bài tập như thế thì họ sẽ không đủ thời gian để hoàn thành được. Kết quả là có thể họ sẽ cảm thấy chán và không muốn học nữa như thế sẽ ảnh hưởng đến kết quả học tập và hiệu quả sử dụng giờ tự học của họ.

### 3.5.3 Đối với Khoa, Trường

Khi được hỏi, gần ½ sinh viên cho rằng nhà trường nên tăng cường công tác giới thiệu việc làm cho sinh viên sau khi tốt nghiệp vì có thể sẽ làm cho họ yên tâm với việc học, với ngành học của mình. Đây sẽ là cơ sở giúp cho sinh viên tăng cường sử dụng giờ tự học hiệu quả hơn. Gần 1/3 sinh viên cho rằng nhà trường nên tăng mở phòng tự học đặc biệt là vào thời gian 1 tháng trước khi thi học kỳ để họ có nhiều phòng để học bài thi, làm báo cáo, bài tập nhóm. Họ cho rằng, số phòng tự học giành cho họ ít nên sẽ phần nào ảnh hưởng đến việc tự học của họ. Việc nhà trường tăng cường số lượng đầu sách và số lượng sách cho mỗi đầu sách và tạo điều kiện cho ngày càng nhiều các buổi giới thiệu việc làm để họ có điều kiện tiếp xúc với nhà tuyển dụng để phần nào có thể biết được nhu cầu của nhà tuyển dụng để từ đó học có thể định hướng cho việc học. Đây sẽ là động lực để giúp họ sử dụng hai giờ tự học một cách triệt để và hiệu quả hơn. Cụ thể những giải pháp này được thể hiện ở biểu đồ 7.

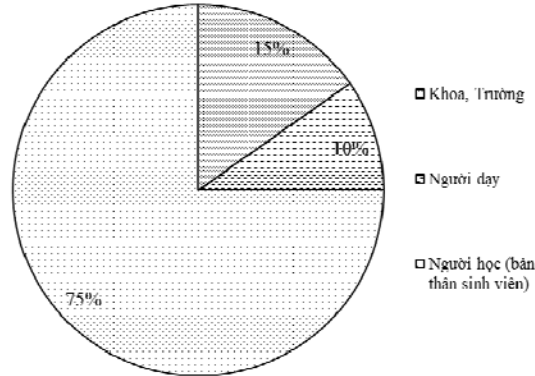


**Biểu đồ 7: Những kiến nghị của sinh viên đối với Khoa, Trường**

Khi yêu cầu sinh viên đánh giá trong ba nhân tố nhằm giúp cho họ sử dụng hai giờ tự học được hiệu quả hơn thì có tới ¾ sinh viên cho rằng bản thân họ là quan trọng



nhất. Thật vậy, muốn sử dụng một cách hiệu quả thì trước tiên bản thân họ phải tự mình tìm ra phương pháp học tập thích hợp, lập thời gian biểu học tập hợp lý, cân đối thời gian học và thời gian chơi, tham gia các hoạt động xã hội và đi làm thêm. 15% sinh viên cho rằng nhà trường cũng góp phần giúp họ sử dụng hai giờ tự học hiệu quả hơn thông qua việc mở phòng tự học, giới thiệu việc làm, 10% sinh viên cho rằng người dạy tác động đến hiệu quả tự học của họ. Cụ thể việc đánh giá tầm quan trọng của ba nhân tố trên được thể hiện qua biểu đồ 8.



**Biểu đồ 8: Đánh giá của sinh viên về vai trò của nhà trường, người dạy và người học**

#### 4 KẾT LUẬN

Trong 1200 sinh viên tham gia khảo sát có 45,67% nam và 54,37% nữ tham gia khảo sát. Hơn 90% sinh viên có học lực giỏi và xuất sắc.

Khoảng 85% sinh viên cho rằng hai giờ tự học là khoảng thời gian họ làm bài tập, đi làm thêm để nhằm mở rộng kiến thức, tích lũy kinh nghiệm cho bản thân trước khi ra trường.

Khoảng 72% sinh viên cho rằng việc sử dụng hai giờ tự học hiện nay là có hiệu quả và 28% cho rằng chưa hiệu quả và có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng này như phương pháp dạy học, phương thức đánh giá của người dạy, số lượng bài học, bài tập quá nhiều,...

Trong ba giải pháp nhằm giúp sinh viên sử dụng hai giờ tự học hiệu quả hơn thì có tới 75% sinh viên thống nhất là người học đóng vai quan trọng nhất. Họ phải tự thay đổi phương pháp học, phải tự mình lập thời gian biểu học tập và tuân theo một cách nghiêm ngặt. Nhà trường nên tăng cường thời gian mở phòng tự học đặc biệt là 1 tháng trước thời gian thi, tăng thời gian cho sinh viên mượn sách lên 2 tuần, số lượng đầu sách nhằm giúp cho sinh viên có nhiều thời gian nghiên cứu tài liệu phục vụ cho chuyên môn. Người dạy nên kết hợp nhiều phương thức đánh giá, nhiều phương pháp giảng dạy.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2007: Quy chế 43 về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ. Hà Nội.
- Đại học Cần Thơ, 2010: Sổ tay giảng viên. Nxb Đại học Cần Thơ, Cần Thơ.
- Nguyễn Đình Hiền, 2009: Giáo trình xử lý số liệu trong nông nghiệp. Nxb Nông nghiệp. Hà Nội.
- Đào Hữu Hồ, 2009: Giáo trình Thống kê xã hội học. Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội
- Võ Thị Thanh Lộc, 2010: Giáo trình Phương pháp nghiên cứu khoa học và viết đề cương nghiên cứu. Nxb Đại học Cần Thơ, Cần Thơ.
- Phạm Văn Quyết và Nguyễn Quý Thanh, 2011: Phương pháp nghiên cứu xã hội học. Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Trần Thị Kim Thu, 2011: Giáo trình Điều tra xã hội học. Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân. Hà Nội.
- Phòng Kế hoạch tổng hợp, 2011: Số liệu thống kê quý I -2011. Trường Đại học Cần Thơ. Cần Thơ.